

Bản án số: 55/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 27/9/2017

V/v: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đích và bà Lê Thị Thu Nga

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Hằng - Thư ký TAND quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2017, về việc: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109-04/2017/QĐXX - ST ngày 14/8/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số **02/2017/QĐST** - HNGĐ ngày 29/8/2017; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1978

- *Bị đơn:* Ông **Đinh Văn N**, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: Khu 3A, Chung cư Làng cá N, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt lần thứ 02.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 16/6/2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Đinh Văn N xây dựng gia đình với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống thì chồng tôi thường tỏ ra ghen tuông vô cớ, nhiều lần xúc phạm danh dự và nhân phẩm của tôi, mặc khác chồng tôi không có trách nhiệm

với gia đình, không cùng tôi góp phần kinh tế để lo cho cuộc sống vợ chồng. Vì nghĩ đến hạnh phúc gia đình nên tôi đã bỏ qua và cố chịu đựng nhưng chồng tôi vẫn không thay đổi, mức độ ghen tuông ngày càng tăng làm cho mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên chúng tôi đã sống ly thân nhau từ năm 2013 đến nay. Nay tôi xác định tình cảm của tôi đối với chồng không còn, nên tôi xin được ly hôn với chồng tôi là ông Đinh Văn N.

Về quan hệ con chung: Tôi xác định giữa tôi và ông N có 01 con chung tên: tên Đinh Nguyễn Chí T, sinh ngày 25/7/2013. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định không có.

**** Bị đơn ông Đinh Văn N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến nên không có lời khai của ông N trong hồ sơ vụ án và cũng không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.***

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư lý, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Theo đó việc thụ lý vụ án, tổ chức hòa giải, thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đều thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của BLTTDS. Nguyên đơn bà Thanh chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn ông Thọ không tham gia tố tụng tại Tòa án là chưa chấp hành đầy đủ các quy định về pháp luật tố tụng.

Về nội dung : Xét thấy quan hệ hôn nhân của bà T và ông N đã thật sự trầm trọng nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho bà T được ly hôn ông N;

Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đinh Nguyễn Chí T, sinh ngày 25/7/2013 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông N không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

(1). Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa bà Nguyễn Thị T và ông Đinh Văn N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ông Đinh Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

(2). Về nội dung vụ án:

Bà Nguyễn Thị T và ông Đinh Văn N xây dựng gia đình với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, quận S, hôn nhân tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà T là do ông N hay ghen tuông vô cớ và không cùng bà góp phần kinh tế để lo cho cuộc sống vợ chồng. Do mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được nên vợ chồng bà đã sống ly thân nhau từ năm 2013 đến nay.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông N. HĐXX xét thấy: Ngoài những mâu thuẫn vợ chồng như bà T trình bày, qua xác minh tại địa phương ngày 14/8/2017 thể hiện mâu thuẫn vợ chồng xảy ra là có thật. Do mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông N là thỏa đáng. Còn ông N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến, ông không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình nên cần vận dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xử lý là phù hợp.

- Về quan hệ con chung: Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đinh Nguyễn Chí T, sinh ngày 25/7/2013 cho đến khi con đủ 18 tuổi, **không yêu ông** N không cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX xét thấy yêu cầu của bà T là có cơ sở nên được chấp nhận.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định giữa bà và ông N không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

(3). Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ - ST theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 51; Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết 366/2016/UBTVQH14 ban hành ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung*" của bà Nguyễn Thị T đối với ông Đinh Văn N.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn đối với ông Đinh Văn N.

Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Đinh Văn N nên giấy chứng nhận kết hôn số 100/2010, quyển số 01/2010 do UBND phường M cấp ngày 18/10/2010 không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đinh Nguyễn Chí T, sinh ngày 25/7/2013 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định

của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: HĐXX không đề cập giải quyết.

4. Án phí HNGĐ-ST 300.000đ bà Nguyễn Thị T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tại biên lai thu số 1758 ngày 20/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Bà T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Đương sự;
- Viện KSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- **UBND phường Mân Thái;**
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Đông Thanh

